TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trực

Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. *(Có mặt).*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị B trình bày:

Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Thành N tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

vào ngày 05/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Thiên A, sinh ngày 16/7/2017, giới tính: Nam. Con chung hiện tại đang sống chung với bà B. Bà B yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày.

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà B đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống bà B và ông N có cãi vã trong việc làm ăn nhưng không đến nỗi phải ly hôn. Ông N còn tình cảm với bà B và muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà B. Ông N không đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Trường hợp Toà án cho ông N và bà B ly hôn thì ông N đồng ý giao con chung cho vợ nuôi dưỡng. Về cấp dượng ông N tự thoả thuận với bà B. Trong khả năng của ông N có bao nhiêu tiền thì ông N sẽ đưa bà B nuôi con bấy nhiêu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Thành N vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành N. Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Thành N tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 05/8/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông N là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà B: Trong quá trình chung sống, bà B và ông N thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không phù hợp làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông N và bà B đã không còn sống chung. ông N và bà B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà B và ông N Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Thiên A, sinh ngày 16/7/2017, giới tính: Nam. Con chung hiện tại đang sống chúng với bà B. Con chung có nguyện vọng được sống chung với bà B. Ông N cũng thống nhất theo nguyện vọng của con chung. Ngoài ra, bà B hiện có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các con chung sau khi cha, mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục, cũng như tránh làm xáo trộn cuộc sống của các con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà B chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong cùng vụ án.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị B phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị B. Bà Dương Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Bà Dương Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc Thiên A, sinh ngày 16/7/2017, giới tính: Nam.

Ông Nguyễn Thành N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Ông Nguyễn Thành N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Dương Thị B chưa yêu cầu.

4. Về Tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét trong cùng vụ án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Dương Thị B phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000878 ngày 22/3/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Bà Dương Thị B không phải nộp thêm.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 06/6/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- UBND phường IV, TP Vị Thanh, HG;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thị Trinh